

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2026

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thủy.

2. Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Thanh H**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Ông **Thái Hồng X**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản hòa giải; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Võ Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây và hiện tại, bà đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã

H, tỉnh Vĩnh Long); ông Thái Hồng X đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: ấp N, xã Q, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long). Bà và ông X sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2015, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) và Ủy ban nhân dân xã Q, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long). Hôn nhân của bà và ông X là tự nguyện.

Sau khi về sống chung với nhau như vợ chồng, thời gian đầu bà và ông X sống hạnh phúc, nhưng khoảng 02 năm nay thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông X không hợp nhau. Bà và ông X đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông X nên xin được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông X không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong vụ án “Ly hôn” giữa bà và ông X.

Theo Bản tự khai; Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản hòa giải; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bị đơn ông Thái Hồng X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây và hiện tại, ông đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: ấp N, xã Q, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long); bà H đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: ấp T, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long). Ông và bà H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2015, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) và Ủy ban nhân dân xã Q, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long). Hôn nhân của ông và bà H là tự nguyện.

Trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, giữa ông và bà H có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn. Ông và bà H đã sống ly thân khoảng 02 năm nay. Nay bà H muốn ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông và bà H không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong vụ án “Ly hôn” giữa ông và bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ giữa bà Hằng và ông X là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận bà H và ông X cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Võ Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long giải quyết ly hôn với ông Thái Hồng X; ông X hiện đang cư trú tại ấp N, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà H và bị đơn ông X vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà H và bị đơn ông X.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Theo bà H và ông X trình bày, theo Công văn số 2005/UBND-VP ngày 18/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long và Biên bản xác minh ngày 06/01/2026 thì bà H và ông X sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) và Ủy ban nhân dân xã Q, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long), nơi ông bà đăng ký hộ khẩu thường trú, sinh sống trước đây và hiện tại.

Sau khi về sống chung với nhau như vợ chồng, khoảng 02 năm nay thì bà H và ông X đều thừa nhận ông bà có phát sinh mâu thuẫn. Theo bà H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông X không hợp nhau, ông bà đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, nay bà xác định không còn tình cảm với ông X nên xin được ly hôn. Theo ông X thì giữa ông và bà H có phát sinh mâu thuẫn nhưng không

lớn, ông bà đã sống ly thân khoảng 02 năm nay, nay bà H muốn ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Như vậy, xét thấy bà H và ông X có đủ điều kiện kết hôn nhưng sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn; nay bà H xin được ly hôn, ông X cũng đồng ý ly hôn. Đồng thời, bà H và ông X không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; ông bà đã không còn sống chung với nhau khoảng 02 năm nay. Căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông X.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung:

Bà H và ông X đều trình bày là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Thanh H:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Thanh H và ông Thái Hồng X.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Thanh H và ông Thái Hồng X đều trình bày là không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Võ Thị Thanh H phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011354 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Võ Thị Thanh H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã H, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến